

ĐỀ 1

Câu 1: Hiện tượng bùng nổ dân số ở nước ta diễn ra vào khoảng thời gian nào sau đây?

- Câu 2:** Thành phần kinh tế nào sau đây giữ vai trò chủ đạo trong nền kinh tế nước ta?

- A. Nhà nước. B. Tập thể. C. Tư nhân. D. Cá thể.

Câu 3: Công nghiệp chế biến sản phẩm trồng trọt **không** có ngành nào sau đây?

- A. Chế biến nước mắm B. Xay xát. C. Rượu, bia, nước ngọt. D. Đường mía.

Câu 4: Ngành vận tải nào sau đây ở nước ta có bước tiến rất nhanh nhờ chiến lược phát triển táo bạo?

- A. Đường sắt. B. Đường sông. C. Đường hàng không. D. Đường ống.

Câu 5: Vùng nào sau đây có diện tích lớn nhất nước ta?

- A. Trung du và miền núi Bắc Bộ.
B. Đồng bằng sông Hồng.
C. Bắc Trung Bộ.
D. Duyên hải Nam Trung Bộ.

Câu 6: Vùng đồi trước núi ở Bắc Trung Bộ có thể mạnh để phát triển ngành nào sau đây?

- A. Nuôi đại gia súc. B. Khai thác thủy sản.
C. Trồng lúa nước. D. Nuôi trồng thủy sản.

Câu 7: Đất feralit ở ở Bắc Trung Bộ **không** thích hợp để phát triển loại cây nào sau đây?

- A. Cà phê. B. Lúa nước. C. Cao su. D. Hồ tiêu.

Câu 8: Thành phố nào sau đây ở Đồng bằng sông Hồng là thành phố trực thuộc trung ương?

- A. Hải Phòng. B. Nam Định. C. Thái Bình. D. Hưng Yên.

Câu 9: Dựa vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 18, cho biết trâu được nuôi nhiều ở vùng nào sau đây?

- A. Trung du và miền núi Bắc Bộ.
B. Đồng bằng sông Cửu Long.
C. Duyên hải Nam Trung Bộ.
D. Tây Nguyên.

Câu 10: Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 22, cho biết đường dây 500KV bắt đầu từ nhà máy điện nào sau đây?

- A. Phú Lai. B. Ninh Bình. C. Thác Bà. D. Hòa Bình.

Câu 11: Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 24, cho biết tỉnh nào sau đây có giá trị xuất khẩu lớn hơn nhập khẩu?

- A. Lào Cai. B. Vĩnh Phúc. C. Quảng Ninh. D. Lạng Sơn.

Câu 12: Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 25, cho biết trung tâm du lịch nào sau đây là trung tâm quốc gia?

- A. Lạng Sơn. B. Hà Nội. C. Hạ Long. D. Hải Phòng.

Câu 13: Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 26, cho biết trung tâm công nghiệp nào sau đây có quy mô giá trị sản xuất công nghiệp lớn nhất vùng Đồng bằng sông Hồng?

- A. Bắc Ninh. B. Hà Nội. C. Hải Dương. D. Hải Phòng.

Câu 14: Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 26, cho biết cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy thuộc tỉnh nào sau đây?

- A. Hà Giang. B. Cao Bằng. C. Lạng Sơn. D. Lào Cai.

Câu 15: Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 27, cho biết tỉnh Thanh Hóa có khu kinh tế ven biển nào sau đây?

- A. Nghi Sơn.
C. Đông Nam Nghệ An.
- B. Vũng Áng.
D. Chân Mây- Lăng Cô.

Câu 16: Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 28, cho biết sân bay Cam Ranh thuộc tỉnh nào sau đây?

- A. Phú Yên. B. Khánh Hòa. C. Ninh Thuận. D. Bình Thuận.

Câu 17: Giải pháp nào sau đây nhằm kiểm chế tốc độ gia tăng nguồn lao động ở nước ta?

- A. Phân bố lại dân cư và lao động.
B. Thực hiện tốt chính sách dân số.
C. Đa dạng các hoạt động sản xuất.
D. Đẩy mạnh xuất khẩu lao động.

Câu 18: Phát biểu nào sau đây **không** đúng với chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo lãnh thổ của nước ta hiện nay?

- A. Thành lập các khu công nghiệp tập trung. B. Các vùng chuyên canh lớn được hình thành.
C. Tạo sự phân hóa sản xuất lớn giữa các vùng. D. Vai trò kinh tế tư nhân ngày càng quan trọng.

Câu 19: Phát biểu nào sau đây đúng với tình hình sản xuất lương thực của nước ta?

- A. Năng suất và sản lượng tăng mạnh. B. Chưa có các vùng chuyên canh lớn.
C. Bình quân lương thực đầu người thấp. D. Lượng gạo nhập khẩu hàng năm lớn.

Câu 20: Nhận định nào sau đây **không** đúng với tài nguyên du lịch của nước ta?

- A. Cơ sở quan trọng tạo ra sự hấp dẫn du lịch. B. Phong phú đa dạng với nhiều di sản thế giới.
C. Chỉ tập trung ở vùng ven biển và các đảo lớn. D. Yếu tố cơ bản để hình thành các điểm du lịch.

Câu 21: Việc phát triển chăn nuôi gia súc ở Trung du và miền núi Bắc Bộ đang gặp khó khăn chủ yếu về

- A. vận chuyển sản phẩm tới các vùng tiêu thụ. B. thiếu lao động có trình độ chuyên môn cao.
C. cơ sở thức ăn phụ thuộc chính từ nhập khẩu. D. không có các cơ sở công nghiệp chế biến.

Câu 22: Vấn đề cần đặc biệt chú ý trong phát triển lâm nghiệp của Bắc Trung Bộ là

- A. khai thác hợp lý đi đôi với bảo vệ rừng. B. phát triển các khu dự trữ tự nhiên.
C. mở rộng diện tích các vườn quốc gia. D. mở rộng diện tích rừng sản xuất.

Câu 23: Ý nghĩa xã hội của việc phát triển các vùng chuyên canh cây công nghiệp lâu năm ở Trung du miền núi Bắc Bộ là

- A. hạn chế nạn du canh du cư. B. tạo nguyên liệu phát triển công nghiệp.
C. tạo các sản phẩm xuất khẩu quan trọng. D. chuyển dịch mạnh cơ cấu ngành kinh tế.

Câu 24: Khó khăn lớn nhất ảnh hưởng đến sản xuất công nghiệp của Đồng bằng sông Hồng là

- A. cơ sở hạ tầng còn hạn chế. B. cơ cấu kinh tế chậm chuyển biến.
C. thiếu nguyên liệu tại chỗ. D. có mật độ dân số cao.

Câu 25: Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 24, cho biết năm 2007 Việt Nam xuất siêu sang nước nào sau đây?

- A. Malaixia. B. Trung Quốc. C. Hoa Kỳ. D. Xingapo.

Câu 26: Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 25, cho biết tài nguyên du lịch nào sau đây có ở Phú Quốc và Côn Đảo?

- A. Khu dự trữ sinh quyển thế giới. B. Di sản văn hóa thế giới.
C. Di tích lịch sử cách mạng. D. Di sản thiên nhiên thế giới.

Câu 27: Cho bảng số liệu:

SỐ LƯỢT HÀNH KHÁCH VẬN CHUYỂN PHÂN THEO NGÀNH VẬN TẢI TỪ 2010 - 2018
(Đơn vị: triệu lượt người)

Năm	Tổng số	Chia ra			
		Đường sắt	Đường bộ	Đường thủy	Đường hàng không
2010	2315,2	11,2	2132,3	157,5	14,2
2012	2676,5	12,2	2504,3	145,0	15,0

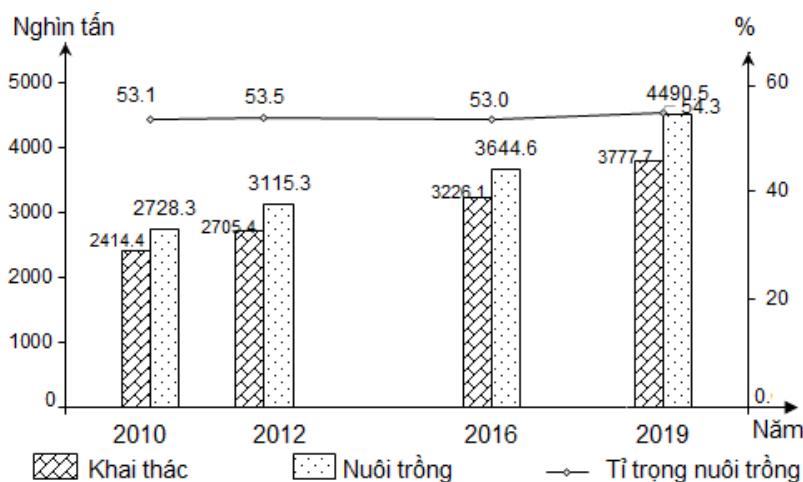
(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2019, NXB Thống kê, 2020)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết từ năm 2010 đến năm 2018 ngành vận tải nào sau đây có số lượt hành khách vận chuyển giảm?

- A. Đường sắt. B. Đường bộ. C. Đường thủy. D. Đường hàng không.

Câu 28: Cho biểu đồ

SẢN LƯỢNG KHAI THÁC, NUÔI TRỒNG VÀ TỈ TRỌNG SẢN LƯỢNG THỦY SẢN NUÔI TRỒNG CỦA NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2010 - 2019



Căn cứ vào biểu đồ, nhận xét nào sau đây **không** đúng?

- A. Sản lượng thủy sản khai thác và nuôi trồng đều tăng.
- B. Sản lượng thủy sản nuôi trồng luôn cao hơn khai thác.
- C. Tỷ trọng thủy sản nuôi trồng thấp và đang giảm xuống.
- D. Sản lượng khai thác tăng và luôn thấp hơn nuôi trồng.

II. PHẦN TỰ LUẬN (3 điểm)

Câu 1. Cho bảng số liệu sau: CƠ CẤU DIỆN TÍCH LÚA PHÂN THEO MÙA VỤ CỦA NƯỚC TA NĂM 2010 VÀ 2019

Năm \ Vụ lúa	Đông xuân	Hè thu	Mùa
2010	3085,9	2436,0	1967,5
2019	3123,9	2734,4	1611,8

Vẽ biểu đồ cột thể hiện diện tích lúa các vụ trong năm 2010 và 2019

Câu 2: (1,0 điểm)

Phân tích tác động của dân số đông đến sự phát triển kinh tế xã hội nước ta?

Câu 3: (1,0 điểm)

Phân tích mối quan hệ giữa quá trình đô thị hóa với sự gia tăng dân số thành thị ở nước ta?

ĐỀ 2

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (7 điểm)

Câu 1: Đặc điểm nào sau đây đúng với dân số nước ta hiện nay?

- A. Đông dân.
- B. Dân số già.
- C. Ít dân tộc.
- D. Tăng rất nhanh.

Câu 2: Ngành chiếm tỉ trọng thấp nhất trong cơ cấu kinh tế theo ngành ở nước ta hiện nay là

- A. công nghiệp.
- B. nông nghiệp.
- C. dịch vụ.
- D. xây dựng.

Câu 3: Cây cà phê phân bố chủ yếu ở vùng nào sau đây của nước ta?

- A. Trung du miền núi Bắc Bộ.
- B. Bắc Trung Bộ.
- C. Tây Nguyên.
- D. Duyên hải Nam Trung Bộ.

Câu 4: Ngành vận tải nào sau đây ở nước ta có vai trò chủ đạo trong vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu?

- A. Đường ô tô.
- B. Đường hàng không.
- C. Đường sắt.
- D. Đường biển.

Câu 5: Vùng giàu tài nguyên khoáng sản bậc nhất nước ta là

- A. Đồng bằng sông Cửu Long.
- B. Đồng bằng sông Hồng.
- C. Tây Nguyên.
- D. Trung du và miền núi Bắc Bộ.

Câu 6: Vùng ven biển Bắc Trung Bộ có thế mạnh về

- A. nuôi thủy sản.
- B. khai thác apatit.
- C. khai thác dầu mỏ.
- D. nuôi bò sữa.

Câu 7: Thành phố trực thuộc Trung ương ở Đông Nam Bộ là

- A. Thủ Dầu Một.
- B. Biên Hòa.
- C. Vũng Tàu.
- D. TP.Hồ Chí Minh.

Câu 8: Loại đất nào sau đây chiếm diện tích lớn nhất ở Trung du miền núi Bắc Bộ?

- A. Đất phù sa ngọt.
- B. Đất feralit.
- C. Đất mặn.
- D. Đất xám.

Câu 9: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 18, cho biết chè được trồng chủ yếu ở vùng nào sau đây?

- A. Đông Nam Bộ.
- B. Đồng bằng sông Hồng.
- C. Bắc Trung Bộ.
- D. Trung du miền núi Bắc Bộ.

Câu 10: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 21, cho biết trung tâm công nghiệp nào sau đây có ngành khai thác than đá?

- A. Hưng Yên.
- B. Cẩm Phả.
- C. Thanh Hóa.
- D. Vinh.

Câu 11: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 22, cho biết nhà máy thủy điện Tuyên Quang nằm trên Sông nào sau đây?

- A. Sông Đà.
- B. Sông Cả.
- C. Sông Chu.
- D. Sông Gâm.

Câu 12: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 23, cho biết đường số 9 nối Đông Hà với nơi nào sau đây?

- A. Đồng Hới.
- B. Lao Bảo.
- C. Huế.
- D. Cha Lo.

Câu 13: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 25, cho biết trung tâm du lịch nào sau đây có du lịch biển?

- A. Vũng Tàu.
- B. Lạng Sơn.
- C. Hà Nội.
- D. Đà Lạt.

Câu 14: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 26, cho biết khu kinh tế cửa khẩu Trà Lĩnh thuộc tỉnh nào sau đây?

- A. Lai Châu.
- B. Hà Giang.
- C. Cao Bằng.
- D. Quảng Ninh.

Câu 15: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 27, cho biết cảng biển Vũng Áng thuộc tỉnh nào sau đây?

- A. Nghệ An.
- B. Hà Tĩnh.
- C. Quảng Bình.
- D. Quảng Trị.

Câu 16: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 28, cho biết sân bay Phù Cát thuộc tỉnh nào sau đây?

- A. Bình Định. B. Phú Yên. C. Quảng Nam. D. Quảng Ngãi.

Câu 17: Số dân thành thị nước ta tăng nhanh trong những năm gần đây chủ yếu là do

- A. tác động của hội nhập kinh tế toàn cầu. B. tác động của quá trình công nghiệp hóa.
C. ở đô thị có cơ sở hạ tầng ngày càng tốt. D. ở đô thị dễ kiếm việc làm có thu nhập.

Câu 18: Biểu hiện của việc chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế nước ta là

- A. các vùng sản xuất chuyên canh được mở rộng. B. phát triển nhiều khu công nghiệp tập trung,
C. các vùng kinh tế trọng điểm được hình thành. D. tăng tỉ trọng của công nghiệp và xây dựng.

Câu 19: Điều kiện tự nhiên nào sau đây thuận lợi nhất cho hoạt động khai thác hải sản ở nước ta?

- A. Có dòng biển chảy ven bờ. B. Có các ngư trường trọng điểm.
C. Có nhiều đảo, quần đảo. D. Biển nhiệt đới ấm quanh năm.

Câu 20: Ngành du lịch nước ta **không** có đặc điểm nào sau đây?

- A. Tài nguyên du lịch đa dạng, phong phú. B. Có các trung tâm du lịch quốc gia, vùng.
C. Cơ sở hạ tầng du lịch ngày càng phát triển. D. Chủ yếu khách du lịch nước ngoài.

Câu 21: Thuận lợi chủ yếu đối với chăn nuôi gia súc lớn ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là

- A. nhiều sông suối, nguồn nước mặt nhiều. B. có nhiều đồng cỏ trên các cao nguyên.
C. khí hậu nóng ẩm có sự phân mùa rõ rệt. D. địa hình đa dạng, có các mặt bằng rộng.

Câu 22: Phát biểu nào sau đây **không** đúng với Đồng bằng sông Hồng?

- A. Chất lượng lao động hàng đầu cả nước. B. Nhiều tài nguyên để phát triển kinh tế.
C. Lịch sử khai thác lãnh thổ lâu đời. D. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nhanh, bền vững.

Câu 23: Đồng bằng sông Hồng hiện nay phát triển mạnh

- A. sản xuất lúa gạo, nuôi trồng thủy sản. B. khai thác gỗ tròn, trồng cây dược liệu.
C. thủy điện, cây công nghiệp nhiệt đới. D. khai thác các khoáng sản, sản xuất ô tô.

Câu 24: Thuận lợi chủ yếu đối với phát triển cây công nghiệp cận nhiệt ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là

- A. nguồn nước mặt dồi dào nhiều nơi. B. có nhiều loại đất feralit khác nhau.
C. diện tích rộng, nhiều kiểu địa hình. D. có mùa đông lạnh, nhiệt độ hạ thấp.

Câu 25: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 24, cho biết năm 2007 nước ta chủ yếu xuất khẩu mặt hàng nào?

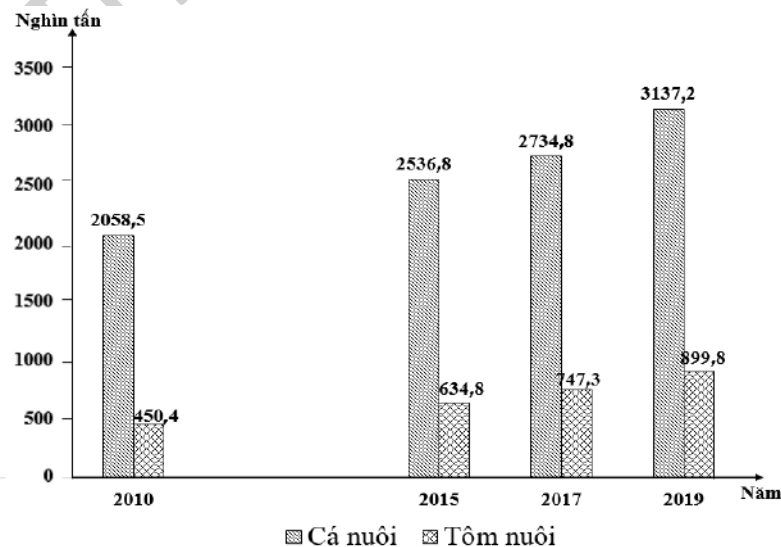
- A. Công nghiệp nặng và khoáng sản. B. Công nghiệp nhẹ và tiểu thủ công nghiệp.
C. Nông, lâm sản. D. Thủy sản.

Câu 26: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 24, cho biết nhận xét nào sau đây đúng về số khách du lịch và doanh thu du lịch nước ta, giai đoạn 1995 - 2007?

- A. Tổng số khách du lịch giảm. B. Doanh thu du lịch không ổn định.
C. Doanh thu du lịch giảm. D. Chủ yếu khách nội địa.

Câu 27: Cho biểu đồ:

SẢN LƯỢNG CÁ NUÔI VÀ TÔM NUÔI CỦA NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2010-2019



(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2019, NXB Thống kê, 2020)

Nhận xét nào sau đây **không** đúng với biểu đồ trên về sản lượng tôm nuôi, cá nuôi của nước ta?

- A. Sản lượng cá nuôi và tôm nuôi tăng không ổn định. B. Sản lượng cá nuôi cao gấp nhiều lần tôm nuôi.
C. Sản lượng cá nuôi và tôm nuôi tăng liên tục. D. Sản lượng tôm nuôi tăng chậm hơn cá nuôi.

Câu 28: Cho bảng số liệu:

LAO ĐỘNG TỪ 15 TUỔI TRỞ LÊN PHÂN THEO THÀNH THỊ VÀ NÔNG THÔN CỦA NƯỚC TA,
GIAI ĐOẠN 2010 - 2019

(Đơn vị: Nghìn người)

Năm	2010	2014	2016	2019
Thành thị	14106,6	16525,5	17449,9	18094,5
Nông thôn	36286,3	37222,5	36995,4	37672,9

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2019, NXB Thống kê, 2020)

Căn cứ vào bảng số liệu, nhận xét nào sau đây đúng?

- A. Lao động thành thị tăng. B. Lao động thành thị đông hơn.
C. Lao động nông thôn giảm. D. Lao động nông thôn tăng nhanh hơn.

II. PHẦN TỰ LUẬN (3 điểm)

Câu 1. (1,0 điểm)

Cho bảng số liệu:

CƠ CẤU SỬ DỤNG ĐẤT CỦA ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG NĂM 2018

(Đơn vị: %)

Cơ cấu các loại đất	Đồng bằng sông Hồng
Đất nông nghiệp	37,2
Đất lâm nghiệp	23,3
Đất chuyên dùng và thổ cư	22,2
Đất khác	17,3

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2018, NXB Thống kê, 2019)

Vẽ biểu đồ tròn thể hiện cơ cấu sử dụng đất của Đồng bằng sông Hồng năm 2018.

Câu 2. (1,0 điểm)

Trình bày đặc điểm của khu công nghiệp tập trung, lấy ví dụ về một số khu công nghiệp tập trung ở TP Đà Nẵng?

Câu 3. (1,0 điểm)

Tại sao phát triển du lịch ở nước ta cần phải gắn liền với bảo vệ môi trường?

ĐỀ 3

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (7,0 điểm)

Câu 1: Đô thị đầu tiên của nước ta là

- A. Thành Cổ Loa. B. Phố Hiến. C. thành Thăng Long. D. Phú Xuân.

Câu 2: Trên phạm vi cả nước đã hình thành mấy vùng kinh tế trọng điểm?

- A. 1 vùng. B. 2 vùng. C. 3 vùng. D. 4 vùng.

Câu 3: Sản phẩm nào sau đây **không** thuộc công nghiệp chế biến thủy, hải sản?

- A. Muối. B. Tôm, cá. C. Nước mắm. D. Xay sát.

Câu 4: Ngành vận tải nào sau đây ở nước ta phát triển gắn liền với sự phát triển của ngành dầu khí?

- A. Đường bộ. B. Đường sắt. C. Đường biển. D. Đường ống.

Câu 5: Vùng nào sau đây có mật độ dân số lớn nhất nước ta?

- A. Trung du và miền núi Bắc Bộ. B. Đồng bằng sông Hồng.
C. Bắc Trung Bộ. D. Duyên hải Nam Trung Bộ.

Câu 6: Vùng đồng bằng ven biển ở Bắc Trung Bộ có thế mạnh để phát triển

- A. chăn nuôi gia súc lớn. B. cây công nghiệp lâu năm.
C. cây công nghiệp hàng năm. D. cây công nghiệp cận nhiệt, ôn đới.

Câu 7: Trung du và miền núi Bắc Bộ trồng chủ yếu loại cây nào sau đây?

- A. Chè. B. Lúa nước. C. Điều. D. Hồ tiêu.

Câu 8: Thành phố nào sau đây ở Duyên hải Nam Trung Bộ là thành phố trực thuộc trung ương?

- A. Quảng Ngãi. B. Quy Nhơn. C. Đà Nẵng. D. Nha Trang.

Câu 9: Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 18, cho lợn được nuôi nhiều ở vùng nào sau đây?

- A. Bắc Trung Bộ. B. Đồng bằng sông Cửu Long.

C. Duyên hải Nam Trung Bộ.

D. Tây Nguyên.

Câu 10: Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 22, cho biết nhà máy thủy điện Sơn La được xây dựng trên sông nào sau đây?

A. Sông Đà.

B. Sông Cả.

C. Sông Mã.

D. Sông Đồng Nai.

Câu 11: Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 24, năm nào sau đây có giá trị nhập siêu lớn nhất ?

A. Năm 2000.

B. Năm 2002.

C. Năm 2005.

D. Năm 2007.

Câu 12: Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 25, cho biết trung tâm du lịch nào sau đây là trung tâm quốc gia?

A. Cần Thơ.

B. Huế.

C. Vũng Tàu.

D. Hải Phòng.

Câu 13: Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 26, cho biết trung tâm công nghiệp nào sau đây ngành hóa chất?

A. Việt Trì.

B. Thái Nguyên.

C. Bắc Ninh.

D. Hạ Long.

Câu 14: Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 26, cho biết cửa khẩu quốc tế Tây Trang thuộc tỉnh nào sau đây?

A. Điện Biên.

B. Cao Bằng.

C. Lạng Sơn.

D. Lào Cai.

Câu 15: Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 27, cho biết tỉnh Quảng Bình có khu kinh tế ven biển nào sau đây?

A. Nghi Sơn.

B. Hòn La.

C. Đông Nam Nghệ An.

D. Chân Mây- Lăng Cô.

Câu 16: Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 28, cho biết sân bay Đông Tác thuộc tỉnh nào sau đây?

A. Bình Thuận.

B. Ninh Thuận.

C. Phú Yên.

D. Khánh Hòa.

Câu 17: Miền núi nước ta dân cư thưa thớt chủ yếu do

A. có nhiều dân tộc ít người, sản xuất nhỏ.

B. nhiều thiên tai, công nghiệp còn hạn chế.

C. địa hình hiểm trở, kinh tế chậm phát triển.

D. nhiều đất dốc, giao thông còn khó khăn.

Câu 18: Cơ cấu ngành nông nghiệp đang chuyển dịch theo hướng

A. tăng tỉ trọng ngành thủy sản.

B. tăng tỉ trọng cây lương thực.

B. giảm tỉ trọng chăn nuôi.

D. tăng tỉ trọng trồng trọt.

Câu 19: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về ngành trồng trọt nước ta hiện nay?

A. Sản phẩm đã được xuất khẩu.

B. cơ cấu cây trồng có thay đổi.

C. có năng suất lao động rất cao.

C. ứng dụng các tiên bộ kĩ thuật.

Câu 20: Tài nguyên du lịch của nước ta bao gồm

A. các danh lam thắng cảnh và di tích lịch sử.

B. tài nguyên tự nhiên và tài nguyên nhân văn.

C. các bãi biển và hang động.

D. tài nguyên nhân văn.

Câu 21: Việc đẩy mạnh sản xuất cây công nghiệp ở Trung du và miền núi Bắc Bộ gặp khó khăn chủ yếu nào sau đây?

A. Trình độ thâm canh còn thấp, đầu tư vật tư ít.

B. Công nghiệp chế biến nông sản còn hạn chế.

C. Mật độ dân số thấp, phong tục cũ còn nhiều.

D. Nạn du canh, du cư còn xảy ra ở một số nơi.

Câu 22: Phát biểu nào sau đây **không** đúng với Đồng bằng sông Hồng?

A. Có nhiều thiên tai như bão, lũ lụt, hạn hán.

B. Số dân đông, mật độ cao nhất cả nước.

C. Tài nguyên đất, nước trên mặt xuống cấp.

D. Có đầy đủ khoáng sản cho công nghiệp.

Câu 23: Vùng đồi trước núi của Bắc Trung Bộ thuận lợi cho phát triển

A. cây lúa nước.

B. cây công nghiệp lâu năm.

C. nuôi trồng thủy sản.

D. các loại cây rau đậu.

Câu 24: Điều kiện nào sau đây giúp Trung du miền núi Bắc Bộ phát triển công nghiệp khai thác?

A. Giàu tài nguyên khoáng sản.

B. Nhiều đồi núi, cao nguyên.

C. Khí hậu phân hóa đa dạng.

D. Sông chảy trên địa hình dốc.

Câu 25: Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 24, cho biết năm 2007 Việt Nam xuất siêu sang nước nào sau đây?

A. Nhật Bản.

B. Trung Quốc.

C. Đài Loan.

D. Ôxtrâyliya.

Câu 26: Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 25, cho biết tài nguyên du lịch nào sau đây có ở Mũi Cà Mau và Cần Giờ?

A. Khu dự trữ sinh quyển thế giới.

B. Di sản văn hóa thế giới.

C. Di tích lịch sử cách mạng.

D. Di sản thiên nhiên thế giới.

Câu 27: Cho biểu đồ:

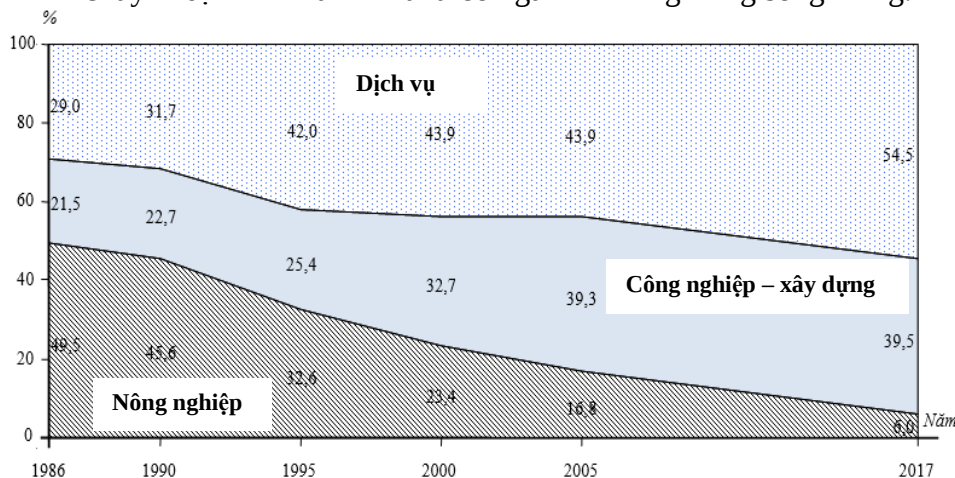
CƠ CẤU GIÁ TRỊ XUẤT KHẨU HÀNG HÓA PHÂN THEO NHÓM HÀNG (%)

Năm	2010	2014
Công nghiệp nặng và khoáng sản	31,1	44,0
Công nghiệp nhẹ và tiểu thủ CN	46,1	39,4
Hàng nông - lâm - thủy sản khác	22,9	16,6

Căn cứ vào biểu đồ, hãy cho biết nhận xét nào sau đây đúng về sự thay đổi cơ cấu giá trị xuất khẩu hàng hóa phân theo nhóm hàng của nước ta năm 2010 và năm 2014?

- A. Tỷ trọng hàng công nghiệp nặng và khoáng sản giảm.
- B. Tỷ trọng hàng nông, lâm thủy sản và hàng khác luôn nhỏ nhất.
- C. Tỷ trọng hàng công nghiệp nhẹ và tiểu thủ công nghiệp tăng.
- D. Tỷ trọng hàng công nghiệp nặng và khoáng sản lớn nhất.

Câu 28: Biểu đồ chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành ở Đồng Bằng sông Hồng.



Căn cứ vào biểu đồ trên, nhận xét nào sau đây **không** đúng?

- A. Cơ cấu GDP theo ngành của ĐBSH có sự chuyển dịch tích cực..
- B. Giảm tỷ trọng ngành nông nghiệp, công nghiệp - xây dựng.
- C. Tăng tỷ trọng ngành công nghiệp - xây dựng và dịch vụ.
- D. Tỷ trọng ngành nông nghiệp giảm nhanh nhất trong cơ cấu GDP.

PHẦN TỰ LUẬN (3 điểm)

Câu 1: (1,0 điểm)

Cho bảng số liệu: GIÁ TRỊ XUẤT, NHẬP KHẨU CỦA NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2010 - 2015

(Đơn vị: Triệu đô la Mỹ)

Năm	2010	2014	2015
Xuất khẩu	72 236,7	150 217,1	162 016,7
Nhập khẩu	84 838,6	147 849,1	165 775,9

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2016, NXB Thống kê, 2017)

Vẽ biểu đồ cột thể hiện giá trị xuất, nhập khẩu của nước ta giai đoạn 2010 – 2015.

Câu 2: (1,0 điểm)

Phân tích điều kiện để phát triển cây công nghiệp có nguồn gốc cận nhiệt ở TDMNBB?

Câu 3: (1,0 điểm)

Tại sao việc làm là vấn đề gay gắt ở vùng Đồng bằng sông Hồng?

ĐỀ 4

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (7,0 điểm)

Câu 1. Đặc điểm nào sau đây **không** đúng với dân số nước ta hiện nay?

- A. Đông dân. B. Cơ cấu tuổi thay đổi. C. Nhiều dân tộc. D. Tăng rất nhanh.

Câu 2: Nước ta tiến hành Đổi mới trước tiên trong lĩnh vực nào?

- A. công nghiệp. B. dịch vụ. C. nông nghiệp. D. tiểu thủ công nghiệp.

Câu 3: Xu hướng nào sau đây đúng với chuyển dịch trong cơ cấu ngành công nghiệp nước ta?

- A. Đa dạng hóa sản phẩm công nghiệp. B. Tăng tỉ trọng công nghiệp khai thác.
B. Giảm tỉ trọng công nghiệp chế biến. D. Tăng các sản phẩm chất lượng trung bình.

Câu 4. Điều kiện thiên nhiên thuận lợi cho hoạt động đánh bắt hải sản của nước ta là gì?

- A. Nguồn lợi thủy sản phong phú. B. Có nhiều bãi triều, đầm phá.
C. Có nhiều sông ngòi, kênh rạch. D. Tàu thuyền công suất lớn, hiện đại.

Câu 5. Phát biểu nào sau đây **không** đúng về giao thông vận tải nước ta hiện nay?

- A. Có nhiều tuyến đường huyết mạch. B. Có nhiều đầu mối giao thông lớn.
C. Các loại hình vận tải rất đa dạng. D. Các ngành đều phát triển rất nhanh.

Câu 6. Các đô thị trực thuộc trung ương của nước ta là

- A. Hà Nội, Hải Phòng, Huế, Nha Trang, Cần Thơ
B. Hà Nội, Hải Phòng, TP HCM, Đà Nẵng, Cần Thơ
C. Hải Phòng, Huế, Đà Nẵng, Nha Trang, Vũng Tàu
D. Nam Định, Vinh, Huế, Vũng Tàu, Cần Thơ.

Câu 7. Trung tâm du lịch quan trọng nằm trong lãnh thổ vùng kinh tế trọng điểm phía Nam là

- A. Đà Lạt. B. Nha Trang. C. Cần Thơ. D. Vũng Tàu.

Câu 8. Tỉnh nào sau đây **không** thuộc Đồng Bằng sông Hồng?

- A. Bắc Ninh B. Phú Thọ C. Nam Định D. Ninh Bình

Câu 9. Thế mạnh nào sau đây là của vùng Trung du miền núi Bắc Bộ ?

- A. Trồng cây lương thực. B. Cây ăn quả nhiệt đới.
C. Khai thác dầu khí ở thềm lục địa. D. Cây ăn quả cận nhiệt và ôn đới.

Câu 10: Thế mạnh về chăn nuôi gia súc lớn ở Bắc Trung Bộ tập trung chủ yếu ở vùng nào?

- A. vùng đồng bằng. B. vùng đồi trước núi.
C. vùng núi phía tây. D. vùng cồn cát ven biển.

Câu 11: Thế mạnh phát triển lâm nghiệp của Bắc Trung Bộ chủ yếu do

- A. diện tích rừng lớn thứ hai cả nước. B. có đầy đủ các loại rừng.
C. diện tích rừng giàu rất lớn cả nước. D. phát triển mạnh cơ sở chế biến gỗ.

Câu 12.. Xu hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở Đồng Bằng sông Hồng đã và đang diễn ra theo chiều hướng nào?

- A. Giảm tỉ trọng khu vực I, tăng tỉ trọng khu vực II và khu vực III.
B. Giữ vững tỉ trọng khu vực I, tăng dần tỉ trọng khu vực II và khu vực III.
C. Tăng tỉ trọng khu vực I, giảm dần tỉ trọng khu vực II và khu vực III.
D. tăng dần tỉ trọng khu vực I, khu vực II và khu vực III.

Câu 13. Căn cứ vào Atlas Địa lý Việt Nam trang 20, hãy cho biết tỉnh nào sau đây có giá trị sản lượng thủy sản nuôi trồng cao nhất Đồng bằng sông Cửu Long?

- A. An Giang. B. Kiên Giang. C. Đồng Tháp. D. Cà Mau.

Câu 14. Căn cứ vào Atlas Địa lý Việt Nam trang 22, hãy cho biết các nhà máy nhiệt điện nào sau đây có công suất trên 1000MW?

- A. Phả Lại, Phú Mỹ, Cà Mau. B. Hòa Bình, Phả Lại, Phú Mỹ.
C. Phả Lại, Phú Mỹ, Trà Nóc. D. Bà Rịa, Phả Lại, Uông Bí.

Câu 15. Căn cứ vào Atlas Địa lý Việt Nam trang 24, hãy cho biết nhóm hàng nào chiếm tỉ trọng cao nhất trong cơ cấu giá trị xuất khẩu nước ta năm 2007?

- A. Công nghiệp nặng và khoáng sản. B. Nông, lâm sản.

C. Thủy sản.

D. Công nghiệp nhẹ và tiểu thủ công nghiệp.

Câu 16. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 17, hãy cho biết trung tâm công nghiệp Hạ Long thuộc vùng kinh tế nào?

A. Đồng bằng sông Hồng. B. Trung du miền núi Bắc Bộ. C. Bắc Trung Bộ. D. Duyên hải Nam Trung Bộ.

Câu 17. Vai trò quan trọng của rừng đặc dụng ở Bắc Trung Bộ là

A. ngăn chặn nạn cát bay và cát chảy. B. cung cấp nhiều lâm sản có giá trị.
C. hạn chế tác hại các cơn lũ đột ngột. D. bảo tồn các loài sinh vật quý hiếm.

Câu 18. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 25, hãy cho biết địa danh nào sau đây là khu dự trữ sinh quyển thế giới?

A. Mũi Cà Mau. B. Tràm Chim.
C. U Minh Thượng. D. Lò Gò – Xa Mát.

Câu 19. Thuận lợi chủ yếu đối với chăn nuôi gia súc lớn ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là

A nhiều sông suối, nguồn nước mặt nhiều. B. có nhiều đồng cỏ trên các cao nguyên.
C. khí hậu nóng ẩm có sự phân mùa rõ rệt. D. địa hình đa dạng, có các mặt bằng rộng.

Câu 20: Dân cư tập trung đông đúc ở Đồng bằng sông Hồng **không** phải là do

A. trồng lúa nước cần nhiều lao động. B. vùng mới được khai thác gần đây.
C. có nhiều trung tâm công nghiệp. D. có điều kiện thuận lợi cho sản xuất và cư trú.

Câu 21. Giải pháp cơ bản nhất để hạn chế hiện tượng cát bay, cát chảy ở các tỉnh Bắc Trung Bộ là

A. xây dựng hệ thống đê biển. B. bảo vệ rừng ngập mặn.
C. trồng rừng phòng hộ. D. đẩy mạnh nuôi trồng thủy sản.

Câu 22: Đây **không** phải là khó khăn trong chăn nuôi gia súc lớn ở Bắc Trung Bộ?

A. Vận chuyển sản phẩm tới các vùng tiêu thụ. B. Đồng cỏ năng suất thấp.
C. Cơ sở thức ăn phụ thuộc chính từ nhập khẩu. D. Cơ sở công nghiệp chế biến còn hạn chế.

Câu 23: Đồng bằng sông Hồng **không** có thế mạnh nào sau đây?

A. Trồng cây công nghiệp lâu năm. B. Trồng cây lương thực, cây thực phẩm.
C. Trồng rau ôn đới trong vụ đông. D. Nuôi lợn, gia cầm, nuôi trồng thủy sản.

Câu 24. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 27, cho biết quốc lộ 9 nối Đông Hà với khu kinh tế cửa khẩu nào sau đây?

A. A Đốt. B. Lao Bảo. C. Cầu Treo. D. Năm Căn.

Câu 25: Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 25, cho biết trung tâm du lịch nào sau đây là trung tâm quốc gia?

A. Huế. B. Vinh. C. Nha Trang. D. Cần Thơ.

Câu 26: Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 25, cho biết năm 2007, khách du lịch đến Việt Nam đông nhất là từ khu vực hoặc quốc gia nào?

A. Hàn Quốc. B. Đông Nam Á. C. Trung Quốc. D. Nhật Bản.

Câu 27. Cho bảng số liệu sau:

GIÁ TRỊ XUẤT, NHẬP KHẨU CỦA NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2010 – 2015 (đơn vị: tỉ USD)

Năm	2008	2010	2012	2013	2015
Xuất khẩu	62,7	72,2	114,5	132,0	162,0
Nhập khẩu	80,7	84,8	113,8	132,0	165,6

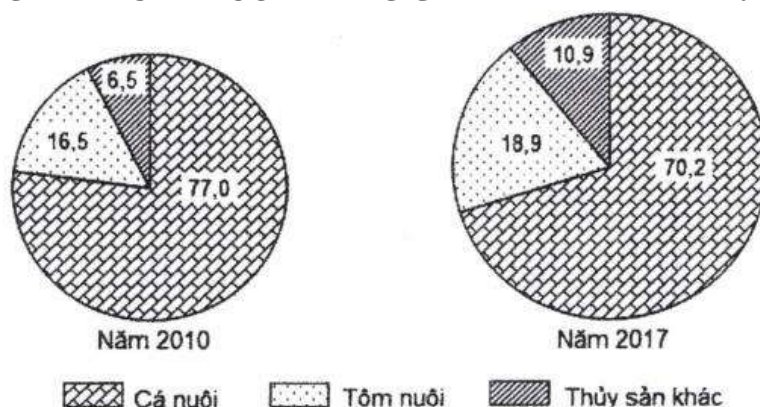
Căn cứ vào bảng số liệu trên, nhận xét nào sau đây đúng về giá trị xuất nhập khẩu của nước ta, giai đoạn từ 2008-2015?

A. Giá trị xuất khẩu tăng chậm hơn nhập khẩu. B. Giá trị nhập khẩu tăng không ổn định

C. Trong giai đoạn trên, Việt Nam luôn nhập siêu. D. Giá trị xuất nhập khẩu tăng nhanh qua các năm

Câu 28: Cho biểu đồ:

CƠ CẤU SẢN LƯỢNG THỦY SẢN NUÔI TRỒNG CỦA NƯỚC TA NĂM 2010 VÀ 2017 (%)



(Nguồn số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng về sự thay đổi tỉ trọng trong cơ cấu sản lượng thủy sản nuôi trồng của nước ta năm 2017 so với năm 2010?

- A. Tôm nuôi giảm, cá nuôi giảm. B. Thủy sản khác giảm, cá nuôi giảm.
C. Cá nuôi giảm, tôm nuôi tăng. D. Tôm nuôi tăng, thủy sản khác giảm.

II. PHẦN TỰ LUẬN (3 điểm)

Câu 1. (1 điểm)

Cho bảng số liệu sau:

DIỆN TÍCH CÀ PHÊ VÀ CAO SU CỦA NƯỚC TA NĂM 2010 VÀ NĂM 2018 (Đơn vị: Nghìn ha)

Năm	2010	2018
Cà phê	556	688
Cao su	749	965

(Nguồn số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2018, NXB Thống kê, 2019)

Dựa vào bảng số liệu, vẽ biểu đồ thể hiện diện tích cà phê và cao su của nước ta năm 2010 và 2018?

Câu 2. (1 điểm)

Điều kiện để ĐBSH trở thành vùng trọng điểm sản xuất cây lương thực ở nước ta?

Câu 3. (1 điểm)

Ý nghĩa của việc phát triển các khu công nghiệp tập trung?

ĐỀ 5

I. TRẮC NGHIỆM (7 điểm)

Câu 1: Đặc điểm nào sau đây đúng với dân số nước ta hiện nay?

- A. Phân bố không đều. B. Dân số trẻ. C. Ít dân tộc. D. Tỉ lệ sinh rất cao.

Câu 2: Thành phần kinh tế nào sau đây có tỉ trọng tăng lên rất nhanh từ khi nước ta mở cửa hội nhập?

- A. Nhà nước. B. Tập thể. C. Tư nhân. D. Có vốn đầu tư nước ngoài.

Câu 3: Công nghiệp năng lượng **không** có ngành nào sau đây?

- A. Hóa dầu. B. Thủy điện. C. Nhiệt điện. D. Khai thác than.

Câu 4: Ngành vận tải nào sau đây ở nước ta có khối lượng vận chuyển lớn, mạng lưới phủ khắp cả nước?

- A. Đường sắt. B. Đường sông. C. Đường ô tô. D. Đường ống.

Câu 5: Tỉnh thuộc nào sau đây thuộc Bắc Trung Bộ?

- A. Quảng Nam. B. Ninh Bình. C. Quảng Bình. D. Nam Định.

Câu 6: Đồng bằng sông Hồng **không** có thế mạnh về

- A. đất phù sa. B. nước ngầm. C. rừng ngập mặn. D. biển đảo.

Câu 7: Vùng đồi trước núi của Bắc Trung Bộ có nhiều thuận lợi cho trồng

- A. cà phê, chè. B. bông, đay. C. lạc, thuốc lá. D. hồ tiêu, dứa.

Câu 8: Đồng bằng sông Cửu Long **không** có thế mạnh về

- A. khí hậu ổn định. B. nước ngầm. C. đất feralit. D. biển đảo.

Câu 9. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 15, hãy cho biết các đô thị nào sau đây là đô thị đặc biệt ở nước ta?

- A. Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh. B. Hà Nội, Cần Thơ.
C. TP. Hồ Chí Minh, Hải Phòng. D. TP. Hồ Chí Minh, Đà Nẵng.

Câu 10. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 17, hãy cho biết khu kinh tế ven biển nào dưới đây không thuộc Bắc Trung Bộ?

- A. Vũng Áng. B. Nghi Sơn. C. Hòn La. D. Chu Lai.

Câu 11: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 19, cho biết tỉnh nào sau đây có diện tích trồng cây công nghiệp lâu năm lớn hơn cây công nghiệp hàng năm?

- A. Bến Tre. B. Sóc Trăng. C. Hậu Giang. D. Phú Yên.

Câu 12: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 20, cho biết tỉnh nào sau đây có sản lượng thủy sản khai thác lớn hơn thủy sản nuôi trồng?

- A. Bến Tre. B. Bạc Liêu. C. Bình Thuận. D. Sóc Trăng.

Câu 13: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 21, cho biết trung tâm công nghiệp Bim Sơn có ngành nào sau đây?

- A. Dệt, may. B. Cơ khí. C. Đóng tàu. D. Luyện kim màu.

Câu 14. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 22, cho biết nhà máy thủy điện Cửa Đạt được xây dựng trên sông nào sau đây?

- A. Sông Cả. B. Sông Chu. C. Sông Lô. D. Sông Gâm.

Câu 15: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 23, cho biết đường số 3 nối Hà Nội với nơi nào sau đây?

- A. Bắc Kạn. B. Hà Giang. C. Lạng Sơn. D. Lào Cai.

Câu 16: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 25, cho biết vườn quốc gia nào sau đây nằm trên đảo?

- A. Xuân Sơn. B. Cát Bà. C. Hoàng Liên. D. Ba Vì.

Câu 17. Phát biểu nào sau đây **không** đúng về dân thành thị nước ta hiện nay?

- A. Tỷ lệ thấp hơn dân nông thôn. B. Số lượng tăng qua các năm.
C. Phân bố đều giữa các vùng. D. Quy mô nhỏ hơn nông thôn.

Câu 18: Phát biểu nào sau đây đúng về chuyển dịch cơ cấu lãnh thổ kinh tế của nước ta hiện nay?

- A. Hình thành các vùng động lực phát triển kinh tế. B. Nhiều loại hình dịch vụ mới ra đời và phát triển.
C. Lĩnh vực kinh tế then chốt do Nhà nước quản lí. D. Tỷ trọng khu vực công nghiệp và xây dựng tăng.

Câu 19. Điều kiện tự nhiên thuận lợi nhất để phát triển hoạt động nuôi trồng thủy sản nước lợ ở nước ta là có nhiều

- A. bãi triều, đầm phá, rừng ngập mặn. B. vùng nước quanh đảo, quần đảo.
C. ô trũng rộng lớn ở các đồng bằng. D. sông suối, kênh rạch, ao hồ.

Câu 20. Ngành du lịch nước ta **không** có đặc điểm nào sau đây?

- A. Tài nguyên du lịch đa dạng, phong phú. B. Chỉ có các trung tâm du lịch vùng.
C. Cơ sở hạ tầng du lịch ngày càng phát triển. D. Chủ yếu khách du lịch nội địa.

Câu 21. Thuận lợi chủ yếu đối với phát triển công nghiệp ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là

- A. nguồn khoáng sản đa dạng, phong phú. B. vùng đất rộng, có đồng bằng giữa núi.
C. đất feralit rộng, có các cao nguyên lớn. D. có nhiều sông suối, nguồn nước dồi dào.

Câu 22: Thuận lợi để phát triển thủy điện ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là

- A. vùng núi rộng, có các núi cao. B. có các cao nguyên, sơn nguyên.
C. nhiều sông suối có độ dốc lớn. D. địa hình ở các vùng khác nhau.

Câu 23. Khó khăn lớn nhất ảnh hưởng đến sản xuất công nghiệp của Đồng bằng sông Hồng là

- A. cơ sở hạ tầng còn hạn chế. B. cơ cấu kinh tế chậm chuyển biến.
C. thiếu nguyên liệu tại chỗ. D. có mật độ dân số cao.

Câu 24. Nhận xét nào sau đây **không** đúng về hạn chế chủ yếu của Đồng bằng sông Hồng?

- A. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành còn chậm.
B. Thiếu nguyên liệu cho việc phát triển công nghiệp.
C. Chịu ảnh hưởng của nhiều thiên tai như bão, lụt.
D. Mật độ dân số nhỏ hơn nhiều lần so với cả nước.

Câu 25. Vấn đề cần đặc biệt chú ý trong phát triển lâm nghiệp của Bắc Trung Bộ là

- A. khai thác hợp lí đi đôi với bảo vệ rừng. B. phát triển các khu dự trữ tự nhiên.
C. mở rộng diện tích các vườn quốc gia. D. mở rộng diện tích rừng sản xuất.
- Câu 26.** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 22, cho biết phát biểu nào sau đây đúng về công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm?
- A. Tỷ trọng rất nhỏ trong toàn ngành công nghiệp.
B. Quy mô giá trị sản xuất các trung tâm đều lớn.
C. Các ngành chế biến chính tương đối đa dạng.
D. Tập trung dày đặc nhất ở ven biển miền Trung.

Câu 27: Cho bảng số liệu:
SẢN LƯỢNG THỦY SẢN KHAI THÁC VÀ NUÔI TRỒNG CỦA NƯỚC TA QUA CÁC NĂM
(Đơn vị: nghìn tấn)

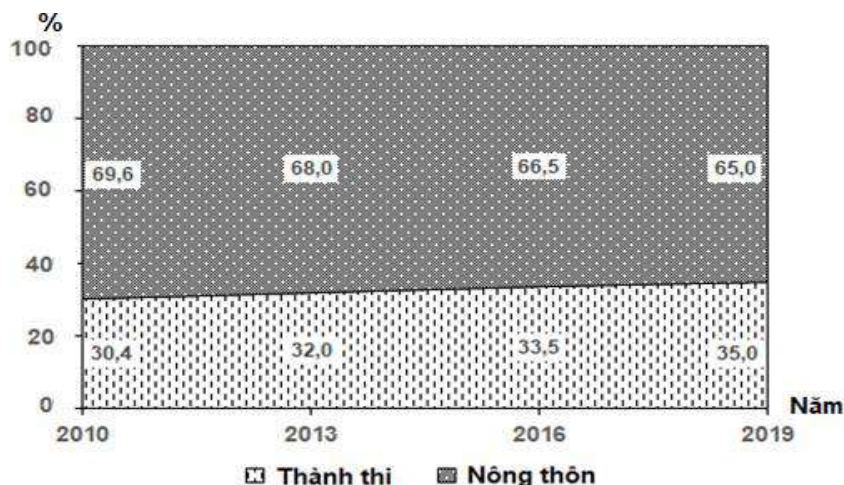
Năm	2010	2015	2019
Khai thác	2414,4	3049,9	3777,7
Nuôi trồng	2728,3	3532,2	4490,5

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2019, NXB Thống kê 2020)

Theo bảng số liệu, nhận xét nào sau đây đúng về sản lượng thủy sản của nước ta qua các năm?

- A. Sản lượng khai thác giảm. C. Sản lượng nuôi trồng lớn hơn khai thác.
B. Sản lượng nuôi trồng giảm. D. Sản lượng nuôi trồng nhỏ hơn khai thác

Câu 28: Cho biểu đồ:



CƠ CẤU DÂN SỐ THEO THÀNH THỊ, NÔNG THÔN CỦA NƯỚC TA

(Nguồn: Số liệu theo niên giám thống kê Việt Nam 2019, NXB Thống kê 2020)

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng về sự thay đổi cơ cấu dân số nước ta qua các năm?

- A. Tỷ lệ dân nông thôn lớn hơn tỷ lệ dân thành thị. B. Tỷ lệ dân nông thôn nhỏ hơn tỷ lệ dân thành thị.
C. Tỷ lệ dân nông thôn và thành thị đều tăng lên. D. Tỷ lệ dân nông thôn và thành thị đều giảm đi.

II. PHẦN TỰ LUẬN (3 điểm)

Câu 1. (1 điểm)

CƠ CẤU LAO ĐỘNG CÓ VIỆC LÀM PHÂN THEO NGÀNH KINH TẾ CỦA NƯỚC TA NĂM 2019 (Đơn vị: %)

Ngành	Nông – lâm – ngư nghiệp	Công nghiệp – xây dựng	Dịch vụ
Tỷ trọng	34,5	30,2	35,3

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2019, NXB Thống kê 2020)

Dựa vào bảng số liệu, vẽ biểu đồ tròn thể hiện cơ cấu lao động có việc làm phân theo khu vực kinh tế của nước ta năm 2019.

Câu 2. (1 điểm)

Chứng minh Trung du miền núi Bắc Bộ có thể mạnh mẽ phát triển tổng hợp kinh tế biển?

Câu 3. (1 điểm)

Các giải pháp để giải quyết vấn đề việc làm ở vùng Đồng bằng sông Hồng?

-----**HẾT**-----

Một số câu hỏi vận dụng

Phân tích hậu quả của sự phân bố dân cư chưa hợp lí ở nước ta?

Phân tích sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành?

Phân tích sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo thành phần?

Phân tích sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo lãnh thổ?

Dân số đông, mật độ dân số cao đã tác động như thế nào đến phát triển KT – XH của ĐBSH?

Một số câu hỏi vận dụng cao

Tại sao các khu công nghiệp thường phân bố ở nơi có vị trí địa lí thuận lợi?

Ý nghĩa của việc phát triển các khu công nghiệp tập trung?

Tại sao ĐBSH thu hút mạnh vốn đầu tư trong và ngoài nước.